

CHÍNH PHỦ
Số: 45/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH

*Về việc ban hành Điều lệ bảo hiểm xã hội đối với sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp,
hạ sỹ quan, binh sỹ quân đội nhân dân và công an nhân dân*

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội,*

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Chế độ bảo hiểm xã hội đối với sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được hưởng theo những quy định của Điều lệ ban hành kèm theo Nghị định này từ ngày 1 tháng 1 năm 1995.

Điều 3. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định này.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

ĐIỀU LỆ

**BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐỐI VỚI SĨ QUAN, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, HẠ SĨ
QUAN, BINH SĨ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN.**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 45-CP ngày 15-7-1995 của Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Điều lệ này quy định về bảo hiểm xã hội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân (gọi tắt là quân nhân) và sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân (gọi tắt là công an nhân dân).

Điều 2. Điều lệ này quy định 5 chế độ bảo hiểm xã hội:

Chế độ trợ cấp ốm đau.

Chế độ trợ cấp thai sản.

Chế độ trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp.

Chế độ hưu trí.

Chế độ tử tuất.

Điều 3. Các chế độ bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 2 của Điều lệ này được áp dụng:

1. Đối với quân nhân, công an nhân dân thuộc diện hưởng lương áp dụng cả 5 chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Đối với quân nhân, công an nhân dân thuộc diện hưởng sinh hoạt phí (bản thân không phải đóng bảo hiểm xã hội) được hưởng hai chế độ trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp và chế độ tử tuất.

Các đối tượng trên trong thời gian đi học, thực tập, công tác, điều dưỡng ở trong và ngoài nước mà vẫn hưởng tiền lương hoặc sinh hoạt phí thì cũng thuộc đối tượng được hưởng bảo hiểm xã hội.

Điều 4. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ và quân nhân, công an nhân dân thuộc diện hưởng lương phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Quân nhân, công an nhân dân được cấp sổ bảo hiểm xã hội để hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội quy định tại Điều lệ này.

Quân nhân, công an nhân dân nếu vi phạm pháp luật thì tùy theo mức độ nhẹ hay nặng mà bị đình chỉ, cắt giảm hoặc huỷ bỏ quyền hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

Điều 5. Quỹ bảo hiểm xã hội được hình thành từ các nguồn thu bảo hiểm xã hội và sự hỗ trợ của Nhà nước. Quỹ bảo hiểm xã hội được quản lý thống nhất và sử dụng để chi các chế độ bảo hiểm xã hội quy định tại Điều lệ này và các hoạt động sự nghiệp bảo hiểm xã hội.

CHƯƠNG II

CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI

I. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ỐM ĐAU

Điều 6.

1. Quân nhân, công an nhân dân nghỉ việc vì ốm đau, tai nạn rủi ro có xác nhận của bệnh xá, bệnh viện, đội điều trị thuộc quân đội, công an hoặc tổ chức y tế do Bộ Y tế quy định thì được hưởng trợ cấp ốm đau.

Những trường hợp nghỉ việc do tự huỷ hoại sức khỏe, do say rượu hoặc dùng chất ma túy thì không được hưởng trợ cấp ốm đau.

2. Nữ quân nhân, nữ công an nhân dân có con thứ nhất, thứ hai (kể cả con nuôi theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình) dưới 7 tuổi bị ốm đau có xác nhận của tổ chức y tế do Bộ Y tế quy định phải nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau thì được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo thời gian quy định như sau:

- 20 ngày trong 1 năm, đối với con dưới 3 tuổi.
- 15 ngày trong 1 năm, đối với con từ 3 tuổi đến dưới 7 tuổi.

3. Quân nhân, công an nhân dân thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá dân số như đặt vòng, nạo thai, thắt ống dẫn trứng, thắt ống dẫn tinh, thì thời gian nghỉ việc theo quy định của Bộ Y tế và được hưởng trợ cấp quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

Điều 7. Mức trợ cấp ốm đau, nghỉ việc do thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá dân số bằng 100% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng trước khi nghỉ việc. Mức trợ cấp nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau bằng 85% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội.

II. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP THAI SẢN

Điều 8. Nữ quân nhân, nữ công an nhân dân có thai, sinh con thứ nhất, thứ hai thì thời gian nghỉ việc theo các Điều 9, 10 Điều lệ này được hưởng trợ cấp thai sản.

Điều 9. Trong thời gian có thai được nghỉ việc đi khám thai 3 lần, mỗi lần một ngày. Trường hợp người có thai thuộc đơn vị đóng quân ở xa cơ quan y tế hoặc người mang thai có bệnh lý, thai không bình thường thì mỗi lần đi khám thai được nghỉ 2 ngày.

Trong trường hợp sảy thai được nghỉ việc hưởng trợ cấp 20 ngày, nếu thai dưới 3 tháng; 30 ngày, nếu thai từ 3 tháng trở lên.

Điều 10.

1. Thời gian nghỉ việc trước và sau khi sinh con:

5 tháng, đối với nữ quân nhân, nữ công an nhân dân nói chung;

6 tháng, đối với nữ quân nhân, nữ công an nhân dân làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 1, nữ quân nhân, nữ công an nhân dân làm nghề hoặc công việc đặc biệt theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

2. Nếu sinh đôi trở lên, thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 30 ngày.

Trong trường hợp sau khi sinh con, nếu con bị chết dưới 60 ngày tuổi (kể cả trường hợp đẻ thai chết lưu) thì người mẹ được nghỉ việc 75 ngày tính từ ngày sinh; nếu con từ 60 ngày tuổi trở lên bị chết thì người mẹ được nghỉ việc 15 ngày tính từ khi con chết, nhưng không vượt quá thời gian quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp đặc biệt do yêu cầu nhiệm vụ, Thủ trưởng đơn vị có thể huy động nữ quân nhân, nữ công an nhân dân đi làm việc trước khi hết thời gian nghỉ thai sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu đã được nghỉ 60 ngày trở lên tính từ khi sinh con và phải được cơ quan y tế chứng nhận việc đi làm việc sớm không có hại cho sức khỏe. Trong trường hợp này, ngoài tiền lương làm việc vẫn được hưởng trợ cấp thai sản đến hết thời gian nghỉ theo quy định.

Điều 11. Quân nhân, công an nhân dân nuôi con nuôi sơ sinh theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình nếu nghỉ việc thì được hưởng trợ cấp cho đến khi con đủ 4 tháng tuổi.

Điều 12. Mức trợ cấp thai sản trong thời gian nghỉ việc theo quy định tại các Điều 9, 10, 11 Điều lệ này, bằng 100% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng trước khi nghỉ. Ngoài ra, khi sinh con được trợ cấp một lần bằng 1 tháng tiền lương đóng bảo hiểm xã hội.

III. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP TAI NẠN LAO ĐỘNG BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Điều 13. Quân nhân, công an nhân dân bị tai nạn trong huấn luyện quân sự, trong học tập rèn luyện, công tác, lao động sản xuất và xây dựng (kể cả ngoài giờ làm việc do yêu cầu của Thủ trưởng đơn vị); hoặc tai nạn trên đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc được hưởng trợ cấp tai nạn lao động.

Điều 14. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm trả các khoản chi phí y tế và tiền lương từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định thương tật đối với quân nhân, công an nhân dân bị tai nạn lao động.

Sau khi điều trị ổn định thương tật, được giới thiệu đi giám định khả năng lao động tại Hội đồng Giám định y khoa theo phân cấp của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ.

Điều 15. Quân nhân, công an nhân dân bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp tùy thuộc vào mức độ suy giảm khả năng lao động và được tính theo mức tiền lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định. Mức trợ cấp tính như sau:

1. Bị suy giảm từ 5% đến 30% khả năng lao động được trợ cấp một lần theo các mức:

Mức suy giảm khả năng lao động	Mức trợ cấp một lần
- Từ 5% đến 10%	4 tháng tiền lương tối thiểu
- Từ 11% đến 20%	8 tháng tiền lương tối thiểu
- Từ 21% đến 30%	12 tháng tiền lương tối thiểu

2- Bị suy giảm từ 31% khả năng lao động trở lên được hưởng trợ cấp hàng tháng kể từ ngày ra viện theo các mức:

Mức suy giảm khả năng lao động	Mức trợ cấp hàng tháng
- Từ 31% đến 40%	0,4 tháng tiền lương tối thiểu
- Từ 41% đến 50%	0,6 tháng tiền lương tối thiểu
- Từ 51% đến 60%	0,8 tháng tiền lương tối thiểu
- Từ 61% đến 70%	1,0 tháng tiền lương tối thiểu